

Số: 96/2025/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí, lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2023/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC về việc hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 4487/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2025 và Báo cáo tiếp thu số 706/BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 295/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu (bao gồm: khu vực cửa khẩu biên giới đất liền và khu vực cửa khẩu cảng biển).

2. Đơn vị thu phí: Cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý cửa khẩu trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

STT	Đối tượng chịu phí	Đơn vị tính	Mức thu
1	Phương tiện ra vào khu vực cửa khẩu		
-	Phương tiện dưới 16 chỗ ngồi	đồng/lượt phương tiện	40.000
-	Phương tiện từ 16 chỗ ngồi trở lên	đồng/lượt phương tiện	100.000
-	Phương tiện thủy có trọng tải dưới 50 tấn	đồng/lượt phương tiện	100.000
-	Phương tiện thủy có trọng tải từ 50 tấn trở lên	đồng/lượt phương tiện	200.000
-	Phương tiện có trọng tải dưới 10 tấn	đồng/lượt phương tiện	300.000
-	Phương tiện có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, hoặc container 20'	đồng/lượt phương tiện	400.000
-	Phương tiện có trọng tải từ 20 tấn trở lên, container 40'	đồng/lượt phương tiện	700.000
-	Phương tiện khác (chở khách, chở hàng hóa) chỉ hoạt động trong khu vực cửa khẩu, điểm thông quan, lối mở	đồng/lượt phương tiện	20.000
2	Phương tiện chở các loại hàng hoá: tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, hàng quá cảnh, hàng qua kho ngoại quan; nhập khẩu nguyên liệu động vật đông lạnh để gia công sản xuất xuất khẩu, nguyên liệu sản xuất thuốc lá; sản phẩm gia công, sản xuất xuất khẩu đông lạnh		
-	Phương tiện có trọng tải dưới 10 tấn	đồng/lượt phương tiện	1.500.000
-	Phương tiện có trọng tải từ 10 đến dưới 20 tấn và Container 20'	đồng/lượt phương tiện	2.000.000
-	Phương tiện có trọng tải từ 20 tấn trở lên và Container 40'	đồng/lượt phương tiện	4.000.000
-	Đối với các loại phương tiện khác	đồng/tấn (m ³)	150.000
3	Hàng rượu, thuốc lá điều tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, kho ngoại quan		
-	Hàng rượu, thuốc lá điều	đồng/kiện	8.000

Điều 4. Tỷ lệ để lại và quản lý, sử dụng phí

1. Tỷ lệ để lại cho cơ quan tổ chức thu phí: 25% trên tổng số thu phí năm.
2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí được quản lý, sử dụng theo quy định tại Luật phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023, các Thông tư hướng dẫn và các quy định có liên quan.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030. Riêng quy định tại Điều 4 về tỷ lệ để lại và quản lý, sử dụng phí có hiệu lực trong năm 2026. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, xây dựng tỷ lệ trích để lại cho cơ quan tổ chức thu phí ổn định cho giai đoạn 2027 - 2030 trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định gắn với thực hiện tinh giản tổ chức bộ máy, biên chế, triển khai mô hình cửa khẩu thông minh và tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức quản lý, thu phí để tối ưu hóa nguồn lực.

2. Bãi bỏ các nội dung liên quan đến nội dung quy định về phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tại Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

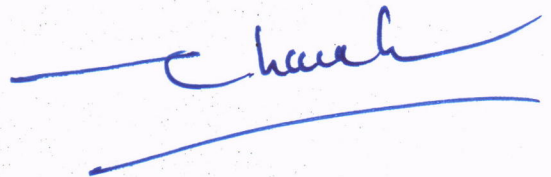
1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2025. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Các bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ8 

CHỦ TỊCH



Trịnh Thị Minh Thanh